

**BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN**

Lớp: **TCN21B** Năm học: **21-22**  
Mã môn học/ Mô đun: **MH04289** Học kỳ: **02**  
Tên môn học/ Mô đun: **Tiếng anh**  
Số tín chỉ: **4**

| STT | MSHS       | Họ tên               | Ngày sinh  | Hệ số 1 |  |    |    |    | Hệ số 2 |    |  |  |  | ThiL1 | ThiL2 | ĐMH/<br>MD |
|-----|------------|----------------------|------------|---------|--|----|----|----|---------|----|--|--|--|-------|-------|------------|
| 1   | 21BTCN0558 | Lê Chí Cường         | 17/06/2001 |         |  | 8  | 8  | 7  | 7       | 7  |  |  |  | 8.0   |       | 7.7        |
| 2   | 21BTCN0560 | Phạm Trần Khoa       | 23/10/1979 |         |  | 8  | 9  | 8  | 7       | 9  |  |  |  | 8.2   |       | 8.2        |
| 3   | 21BTCN0561 | Dương Ngọc Huỳnh     | 24/12/2003 |         |  | 10 | 10 | 9  | 7       | 10 |  |  |  | 9.0   |       | 9.0        |
| 4   | 21BTCN0562 | Lương Tâm Như        | 15/12/2003 |         |  | 10 | 9  | 9  | 8       | 10 |  |  |  | 9.0   |       | 9.1        |
| 5   | 21BTCN0563 | Phạm Văn Phếch       | 28/08/1988 |         |  | 7  | 9  | 8  | 9       | 9  |  |  |  | 7.0   |       | 7.6        |
| 6   | 21BTCN0565 | Nguyễn Hoàng Thắng   | 29/07/2006 |         |  | 8  | 8  | 8  | 7       | 8  |  |  |  | 9.0   |       | 8.5        |
| 7   | 21BTCN0566 | Nguyễn Thị Bích Trâm | 14/11/1991 |         |  | 8  | 9  | 10 | 7       | 9  |  |  |  | 8.1   |       | 8.3        |
| 8   | 21BTCN0567 | Lâm Tuấn             | 01/06/1983 |         |  | 8  | 9  | 8  | 8       | 9  |  |  |  | 0.0   | 9.0   | 8.8        |

Châu Đốc, ngày 6 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Thị Hoàng Oanh